

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò Cát, sỏi làm VLXD thông thường tại điểm mỏ số 6 thuộc ranh giới xã Ia Ly, xã Ia Xiêr và thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum”.**  
*(Trữ lượng tính đến ngày 26/02/2018).*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 19/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản và Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Giấy phép thăm dò số 28/GP-UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai - Chi nhánh Kon Tum được thăm dò cát, sỏi làm VLXD thông thường tại điểm mỏ số 6 thuộc ranh giới xã Ia Ly, xã Ia Xiêr và thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai - Chi nhánh Kon Tum tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 25/4/2018;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 234/TTr-STNMT ngày 14/5/2018 (kèm theo hồ sơ),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng trong “Báo cáo kết quả thăm dò cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ số 6 thuộc ranh giới xã Ia Ly, xã Ia Xiêr và thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum”, với các nội dung chính như sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng: 0,8644 ha, trong đó diện tích có phân bố khoáng sản phê duyệt trữ lượng 0,7924 ha (có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát; sạn, sỏi làm VLXDĐT đã tính trong báo cáo cấp 122: 8.320 m<sup>3</sup> (tám ngàn ba trăm hai mươi mét khối); trong đó trữ lượng cát 4.461,63m<sup>3</sup>; sạn, sỏi 3.858,37m<sup>3</sup>.

3. Trữ lượng cát; sạn, sỏi làm VLXDĐT huy động vào thiết kế khai thác: 8.320 m<sup>3</sup> (tám ngàn ba trăm hai mươi mét khối).

- Tài nguyên cát cấp 333: Dự tính cát bồi lắng hằng năm 4.461,63 m<sup>3</sup>/năm.

4. Các khoáng sản đi kèm: Không.

5. Mức sâu khối trữ lượng phê duyệt: Trung bình 1,05 m (thể hiện tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Trong quá trình khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản cần xem xét các ý kiến kết luận của Biên bản họp thăm định ngày 13/4/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Sa Thầy; Giám đốc Công ty TNHH Việt Trung Gia Lai - Chi nhánh Kon Tum và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Cục Kiểm soát HKKS miền Trung;
- VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn



**TỌA ĐỘ KHU VỰC PHÊ DUYỆT  
TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 494/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN-2000	
	Kinh tuyến trực $107^{\circ}30$ phút, múi chiếu $3^{\circ}$	
	X (m)	Y (m)
1	1.589.991	532.734
2	1.589.978	532.773
3	1.589.918	532.741
4	1.589.875	532.801
5	1.589.846	532.779
6	1.589.886	532.724
7	1.589.908	532.654
8	1.589.937	532.660
9	1.589.927	532.701
Diện tích: 0,7924 ha		



UBND TỈNH KON TUM

Phụ lục số 02

**THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN  
LÀM VLXDTT**

(Kèm theo Quyết định số: 494/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu của khối trữ lượng (trung bình)	Trữ lượng (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1	K1-122	1,05m	8.320	Cát: 4.461,63m <sup>3</sup> Sạn, sỏi: 3.858,37m <sup>3</sup>